

Số: 11 /2021/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (lần 2)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (lần 2); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (lần 2), với số vốn 235.547 triệu đồng. Cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương: 234.639 triệu đồng (đính kèm Phụ lục I).

2. Bổ sung Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020: 908 triệu đồng (đính kèm Phụ lục II).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2021. *./.*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP. HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. *./.*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền
Trần Văn Huyền



Phụ lục I
DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số: 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

ĐƠN VỊ: TRỊ THỰC ĐƯƠNG																
STT	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư	Kế hoạch năm 2021 được giao					Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung					Tăng	Giảm	Ghi chú		
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSDP	Trong đó:			Trong đó:								
					Tổng số	Cần đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài	Tổng số				Cần đối ngân sách	Xổ số kiến thiết
TỔNG SỐ																
A	Hỗ trợ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (5% trong tổng số vốn CNS)		4.250.505	3.168.988	812.917	187.781	395.761	1.775	42.000	185.600	812.917	187.781	395.761	1.775	42.000	185.600
B	Bổ trợ cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã				19.984	19.984					14.984	14.984				5.000
C	Bổ trợ cho Quỹ hỗ trợ năng dân tỉnh										4.000	4.000				4.000
D	Thực hiện dự án		4.250.505	3.168.988	792.933	167.797	395.761	1.775	42.000	185.600	792.933	167.797	395.761	1.775	42.000	185.600
E	CẤP TỈNH QUAN LÝ		2.050.886	1.776.351	485.498	90.197	365.301	-	-	30.000	356.893	56.794	270.089	-	-	30.000
F	Số Kế hoạch và Đầu tư		59.464	59.464	23.897	23.897	-	-	-	-	2.500	2.500	-	-	-	21.397
G	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021		59.464	59.464	23.897	23.897	-	-	-	-	2.500	2.500	-	-	-	21.397
H	Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, làm nhiệm vụ đến năm 2050	1984/QĐ-UBND, 08/11/2019	54.964	54.964	20.897	20.897	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.897
I	Năng cấp, sửa chữa Trại sơ bộ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang	370/QĐ-SKHĐT, 09/12/2020	4.500	4.500	3.000	3.000	-	-	-	-	2.500	2.500	-	-	-	500
J	Số Thông tin và Truyền thông		585.000	585.000	43.000	43.000	-	-	-	-	18.200	18.200	-	-	-	43.000
K	Dự án khởi công mới năm 2021		585.000	585.000	43.000	43.000	-	-	-	-	18.200	18.200	-	-	-	43.000
L	Xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025	51/NQ-HĐND, 04/12/2020	300.500	300.500	43.000	43.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	43.000
M	Xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025	17/NQ-HĐND, 11/8/2021	225.500	225.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
N	Năng cấp, mở rộng hệ thống hội nghị trực tuyến của tỉnh đến cấp xã	1062/QĐ-UBND, 15/6/2021	13.000	13.000	13.000	-	-	-	-	-	3.200	3.200	-	-	-	3.200
O	Trang bị, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	1063/QĐ-UBND, 15/6/2021	15.000	15.000	15.000	-	-	-	-	-	7.000	7.000	-	-	-	7.000
P	Mở rộng, nâng cấp Công Dịch vụ công trực tuyến và hỗ trợ các thực thể người sử dụng dịch vụ công trực tuyến	1140/QĐ-UBND, 23/6/2021	11.000	11.000	11.000	-	-	-	-	-	3.000	3.000	-	-	-	3.000
Q	Mở rộng, nâng cấp Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh và Hệ thống giám sát an toàn an ninh mạng	1141/QĐ-UBND, 23/6/2021	20.000	20.000	20.000	-	-	-	-	-	5.000	5.000	-	-	-	5.000
R	Văn phòng UBND tỉnh		16.000	16.000	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000	-	-	-	2.000
S	Dự án khởi công mới năm 2021		16.000	16.000	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000	-	-	-	2.000
T	Xây dựng hệ thống phòng họp không giấy	1057/QĐ-UBND, 15/6/2021	7.000	7.000	7.000	-	-	-	-	-	1.000	1.000	-	-	-	1.000
U	Xây dựng Hệ thống trợ lý ảo giải đáp thủ tục hành chính và nâng cấp Ứng dụng di động Hậu Giang. Hệ thống quản lý văn bản	1058/QĐ-UBND, 14/6/2021	9.000	9.000	9.000	-	-	-	-	-	1.000	1.000	-	-	-	1.000
V	Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang		96.600	96.600	60.000	-	-	-	-	-	39.000	-	-	-	-	21.000
W	Dự án khởi công mới năm 2021		96.600	96.600	60.000	-	-	-	-	-	39.000	-	-	-	-	21.000
X	Năng cấp hệ thống phát thanh - truyền hình Hậu Giang	163/QĐ-UBND, 27/01/2021	96.600	96.600	60.000	-	-	-	-	-	39.000	-	-	-	-	21.000
Y	Iran Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		415.941	371.811	153.301	-	-	-	-	-	107.650	-	-	-	-	51.542
Z	Tất toán tài khoản		83.398	39.268	-	-	-	-	-	-	3.248	-	-	-	-	3.248
AA	Các phòng học Khoa Nông nghiệp Trường Đại học Cần Thơ tại ấp 4, xã Hòa An, H. Phụng Hiệp	1923/QĐ-UBND, 28/10/2016	30.000	30.000	-	-	-	-	-	-	1.775	-	-	-	-	1.775
AB	Trung tâm bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh	1919/QĐ-UBND, 31/10/2016	49.996	5.866	-	-	-	-	-	-	1.312	-	-	-	-	1.312
AC	Năng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế Phường Hiệp Thành	215/QĐ-SKHĐT, 23/10/2019	3.402	3.402	-	-	-	-	-	-	161	-	-	-	-	161

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSDP	Kế hoạch năm 2021 được giao				Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung				Giảm	Tăng	Chí chủ				
					Tổng số	Cần đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài	Tổng số	Cần đối ngân sách				Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài
10	Trường THPT Tân Phú, thị xã Long Mỹ	473/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	464	464							5	5				5			
(5)	Dự án khôi phục môi trường năm 2021		243.397	243.397	45.000		45.000				45.000		45.000			25.000			
1	Đầu tư hệ thống lọc nước uống cho các trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2	540/QĐ-UBND, 18/03/2021	56.397	56.397	45.000		45.000				20.000		20.000			25.000			
2	Trang thiết bị thí nghiệm lớp 1	1113/QĐ-UBND, 18/6/2021	44.500	44.500							6.000		6.000			6.000			
3	Trang thiết bị thí nghiệm lớp 2	1114/QĐ-UBND, 18/6/2021	44.500	44.500							6.000		6.000			6.000			
4	Trang thiết bị thí nghiệm lớp 6	1115/QĐ-UBND, 18/6/2021	41.000	41.000							5.000		5.000			5.000			
5	Trang thiết bị phòng học ngoại ngữ	1117/QĐ-UBND, 18/6/2021	20.000	20.000							3.000		3.000			3.000			
6	Trang thiết bị phòng học vi tính cấp trung học cơ sở	1116/QĐ-UBND, 18/6/2021	37.000	37.000							5.000		5.000			5.000			
IX	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		281.505	74.000	30.000						35.000		5.000			5.000			
(4)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021		281.505	74.000	30.000						35.000		5.000			5.000			
1	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Hậu Giang (VnSAT) vốn vay Ngân hàng Thế giới (VNB)	1569/QĐ-UBND, 9/11/2015; 1123/QĐ-UBND, 11/6/2020; 823/QĐ- UBND, 10/5/2021	281.505	74.000	30.000						30.000		5.000			30.000			
X	Sở Khoa học và Công nghệ		4.994	4.994							125		125			125			
(1)	Tất toán tài khoản		4.994	4.994							125		125			125			
1	Đầu tư nâng cường tiến bộ cho Trung tâm thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ (giai đoạn 1)	318/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	4.994	4.994							125		125			125			
XI	Sở Tài nguyên và Môi trường		23.459	23.459							1.905		1.905			1.905			
(1)	Tất toán tài khoản		23.459	23.459							1.905		1.905			1.905			
1	Xây dựng hệ thống quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, hạ tầng kỹ thuật tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động	1970/QĐ-UBND, 31/10/2016	21.959	21.959							1.856		1.856			1.856			
2	Mua sắm trang thiết bị, bàn, ghế phòng họp lớn Sở Tài nguyên và Môi trường	281/QĐ-SKHĐT, 28/10/2019	1.500	1.500							49		49			49			
XII	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường		2.246	2.246							246		246			246			
(1)	Tất toán tài khoản		2.246	2.246							246		246			246			
1	Nâng cấp, cải tạo công trình: Trụ sở Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	20/QĐ-SKHĐT, 06/02/2013; 202/QĐ-SKHĐT, 17/11/2015	2.246	2.246							246		246			246			
XIII	Công ty Cổ phần cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang		157.500	157.500	107.000						78.060					32.100			
(1)	Tất toán tài khoản		157.500	157.500	107.000						78.060					32.100			
1	Nâng cấp mở rộng, phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Long Bình, Long Phú, Long Trì, Long Trì A, thị xã Long Mỹ	218/QĐ-SKHĐT, 03/9/2019	5.500	5.500							160		160			160			
(5)	Dự án khôi phục môi trường năm 2021		152.000	152.000	107.000						77.900					3.000			
1	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Phước Phú, huyện Phước Hiệp (Nâng công suất từ 50m³/h lên 100m³/h)	93/QĐ-SKHĐT, 16/3/2021	15.000	15.000	10.000						13.000					3.000			
2	Trạm cấp nước tập trung liên xã Hòa An và xã Hiệp Hưng huyện Phước Hiệp (Công suất 200m³/h)	737/QĐ-UBND, 19/04/2021	43.000	43.000	30.000						21.000					9.000			
3	Trạm cấp nước tập trung xã Tân Phước Hưng, huyện Phước Hiệp (Công suất 50m³/h)	624/QĐ-UBND, 30/3/2021	22.000	22.000	15.000						11.000					4.000			

STT	Danh mục dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSDP	Tổng số	Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
						Trong đó:						Trong đó:								
						Cần đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bộ chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài	Tổng số	Cần đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bộ chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài				
4	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước cấp trung xã Phương Bình (Nâng công suất từ 30m ³ /h lên 100m ³ /h)	738/QĐ-UBND, 19/4/2021	17.000	17.000	12.000		12.000				8.000		8.000				4.000			
5	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước cấp trung Vĩ Thành, huyện Vĩ Thủy (Nâng công suất từ 50m ³ /h lên 100m ³ /h)	739/QĐ-UBND, 19/4/2021	17.000	17.000	12.000		12.000				7.900		7.900				4.100			
6	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước cấp trung xã Hòa Tiến, thành phố Vĩ Thanh (Nâng công suất từ 35m ³ /h lên 100m ³ /h)	623/QĐ-UBND, 30/3/2021	18.000	18.000	14.000		14.000				7.800		7.800				6.200			
7	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước cấp trung Lương Bình, thị xã Lương Mỹ (Nâng công suất từ 40m ³ /h lên 100m ³ /h)	736/QĐ-UBND, 19/4/2021	20.000	20.000	14.000		14.000				9.200		9.200				4.800			
XIV	Ban Dân tộc		2.273	2.273	-	-	-	-			9	9	-	-			-	9		
(1)	Tất toán tài khoản		2.273	2.273	-	-	-	-			9	9	-	-			-	9		
1	Nâng cấp, sửa chữa chùa Bồ Bông/Sông Chum ấp 5, xã Xã Thiện, huyện Lương Mỹ	168/QĐ-SKCHĐT, 07/8/2014	2.273	2.273		7.000					9	9					3.500	-		
XV	Văn phòng Tỉnh ủy		20.990	20.990	7.000	7.000					3.500	3.500					3.500	-		
(5)	Dự án khai công mới năm 2021		20.990	20.990	7.000	7.000					3.500	3.500					3.500	-		
1	Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng	124/QĐ-UBND, 01/7/2021	20.990	20.990	7.000	7.000					3.500	3.500					3.500	-		
XVI	Công an tỉnh		108.229	51.744	12.000	12.000		-			13.651	13.651		-			-	1.651		
(1)	Tất toán tài khoản		13.862	13.862	-	-	-	-			151	151		-			-	151		
1	Trang thiết bị Ban việc Công an tỉnh	168/QĐ-SKCHĐT, 30/10/2015	3.053	3.053							41	41					-	41		
2	Công an xã Vĩnh Tường	137/QĐ-SKCHĐT, 23/10/2013	2.925	2.925							29	29					-	29		
3	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường thuộc Công an tỉnh HG	222/QĐ-SKCHĐT, 28/10/2016	1.984	1.984							43	43					-	43		
4	Công an xã Tân Tiến	246/QĐ-SKCHĐT, 31/10/2017	3.000	3.000							26	26					-	26		
5	Công an xã Lương Tâm	252/QĐ-SKCHĐT, 31/10/2017	2.900	2.900							12	12					-	12		
(5)	Dự án khai công mới năm 2021		94.367	37.882	12.000	12.000		-			13.500	13.500		-			-	1.500		
1	Cơ sở làm việc Công an thành phố Nga Bấy thuộc Công an tỉnh Hậu Giang (Chỉ phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư)	7105/QĐ-BCA-HQĐ, 13/8/2020	94.367	37.882	12.000	12.000					13.500	13.500					-	1.500		
**	CẤP HUYỀN QUÂN LỸ		2.199.619	1.442.637	307.435	77.600	30.460	1.775	42.000	155.600	436.050	111.003	125.672	1.775	42.000	155.600	32.100	160.715		
1	UBND thành phố Vĩ Thanh		911.757	235.955	197.600	-	-	-	42.000	155.600	220.149	16.817	5.732	-	42.000	155.600	-	22.549		
(1)	Tất toán tài khoản		67.036	49.434	-	-	-	-	-	-	906	200	706	-	-	-	-	906		
1	Đường ô tô về trung tâm xã Hòa Tiến, thị xã Vĩ Thanh (thành phố Vĩ Thanh)	322/QĐ-UBND, 22/02/2008; 858/QĐ-UBND, 25/12/2008; 2841/QĐ-UBND, 20/10/2009	49.633	49.434							83	83					-	83		
2	Đường số 02, phường IV, thành phố Vĩ Thanh	5728/QĐ-UBND, 31/10/2016	9.669								117	117					-	117		
3	XD đường vào khu căn cứ Thị xã Ủy và mở rộng diện tích nhà tưởng niệm khu căn cứ thị xã ủy xã Vĩ Tân TPVT	3345/QĐ-UBND, 29/09/2017	4.170								614		614				-	614		
4	NCSG trường TH Vĩ Thụ Sáu (điểm phụ) ở xã Vĩ Tân TPVT	3761/QĐ-UBND, 30/10/2017	3.564								92		92				-	92		
(2)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2020		3.200	-	-	-	-	-			26	-	26				-	26		
1	Nhà văn hóa khu vực 2, phường VII	1498/QĐ-UBND, 20/09/2019	1.600								12		12				-	12		
2	Nhà Văn hóa - Khu thể thao cấp Thành Trung, xã Hòa Lũn, TPVT	1005/QĐ-UBND, 01/07/2019	1.600								14		14				-	14		
(4)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021		834.617	179.617	197.600	-	-	-	42.000	155.600	214.217	16.617	-	-	42.000	155.600	-	16.617		

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSDP	Trong đó:				Tổng số	Cần đối ngân sách	Xã số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bất chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài						
1	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	496/QĐ-UBND 27/3/2017; 1473/QĐ-UBND, 04/10/2018	834.617	179.617	197.600				42.000	155.600	214.217	16.617		42.000	155.600	16.617		Đối ứng ODA		
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		6.904	6.904	-						5.000	-	5.000			5.000	-			
1	Mở rộng diện tích Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh	2261/QĐ-UBND, 12/7/2021	5.680	5.680							4.000		4.000			4.000				
2	Nâng cấp, sửa chữa đường Nặng Chàng, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	2267/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.224	1.224							1.000		1.000			1.000				
II	UBND thành phố Ngã Bảy		44.800	44.800	-						2.723	1.000	1.723			1.723	-			
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021		22.800	22.800	-						1.723	-	1.723			1.723	-			
1	Trường Tiểu học Tân Thành 2	1927/QĐ-UBND, 31/10/2019	8.300	8.300							755		755			755		755		
2	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	1924/QĐ-UBND, 31/10/2019	5.000	5.000							87		87			87		87		
3	NCSC 6 điểm trường (Mẫu giáo Sơn Hồng; Tiểu học Hùng Vương; Tiểu học Lý Tự Trọng; Tiểu học Kim Đồng; Tiểu học Đại Thành 2 và THCS Đại Thành)	1925/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.500	1.500							140		140			140		140		
4	Cổng chào thị xã Ngã Bảy khu vực vòng xoay Hiệp Lợi	1920/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.000	2.000							180		180			180		180		
5	Cổng chào thị xã Ngã Bảy khu vực vòng xoay Hiệp Thành	1921/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.000	2.000							191		191			191		191		
6	Đài tuyên truyền thị xã Ngã Bảy	1944/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.000	4.000							370		370			370		370		
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		22.000	22.000	-						1.000	1.000	-			1.000	-			
1	Khu tái định cư thành phố Ngã Bảy	1007/QĐ-UBND, 04/6/2021	22.000	22.000							1.000	1.000	-			1.000	-			
III	UBND thị xã Long Mỹ		118.765	118.765	-						6.165	2.023	4.142			6.165	-			
(2)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2020		58.765	58.765	-						4.165	23	4.142			4.165	-			
1	Trụ sở UBND xã Long Trì, thị xã Long Mỹ	1568/QĐ-UBND, 31/10/2019	11.000	11.000							23	23	-			23	-	23		
2	Trường Mẫu giáo Trà Long	1568/QĐ-UBND, 31/10/2019	7.050	7.050							686		686			686		686		
3	Trường Tiểu học Vĩnh Tường	1565/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.421	1.421							83		83			83		83		
4	Trường Trung học cơ sở Trịnh Văn Thi	1566/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.700	1.700							121		121			121		121		
5	Trường Mẫu giáo Phương Hồng	1562/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.893	1.893							78		78			78		78		
6	Trường Mẫu giáo Bình Thạnh	1569/QĐ-UBND, 31/10/2019	900	900							47		47			47		47		
7	Trường Mẫu giáo Long Trì A	1564/QĐ-UBND, 31/10/2019	955	955							19		19			19		19		
8	Trường Tiểu học Long Phú 1 (Điểm lẻ Long Bình 1)	1567/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.396	1.396							52		52			52		52		
9	Trường Tiểu học Long Trì A	1554/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.000	4.000							397		397			397		397		
10	Trường Tiểu học Bình Thạnh	1552/QĐ-UBND, 31/10/2019	6.000	6.000							596		596			596		596		
11	Trường Tiểu học Lê Văn Tâm	1557/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.600	4.600							429		429			429		429		
12	Trường Mẫu giáo Tân Phú	1556/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.300	4.300							411		411			411		411		
13	Trường Tiểu học Tân Phú 1 (Điểm lẻ Long Trì 1)	1555/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.500	4.500							446		446			446		446		
14	Trường Trung học cơ sở Long Trì	1561/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.800	2.800							248		248			248		248		
15	Trường Tiểu học Long Phú 2	1558/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.600	2.600							236		236			236		236		

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSDP	Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
						Cần đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bộ chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài		Cần đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bộ chi ngân sách địa phương				Vốn nước ngoài
16	Trường Trung học cơ sở Trà Lông	1551/QĐ-UBND, 31/10/2019	3.650	3.650						293	2.000		293				2.000		
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		60.000	60.000						2.000	2.000						2.000		
1	Khu tái định cư thị xã Long Mỹ	15/NQ-HĐND, 14/7/2021	60.000	60.000						2.000							2.000		
IV	UBND huyện Long Mỹ		65.226	7.052						7.480			7.480				7.480		
(1)	Tái tạo tài khoản		24.574	*						1.250			1.250				1.250		
1	Nhà văn hóa ấp 5 xã Vĩnh Thuận Đông	2833/QĐ-UBND, 31/10/2016	924							140			140				140		
2	Nhà văn hóa ấp 9 xã Lương Tâm	2838/QĐ-UBND, 31/10/2016	700							35			35				35		
3	Nhà văn hóa ấp 2 xã Xã Phien	2834/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.000							37			37				37		
4	Trường Tiểu học Thuận Hòa, điểm O Mái, xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ. Hàng mục: 05 phòng học, khu vệ sinh.	1920/QĐ-UBND, 31/10/2016	2.250							21			21				21		
5	Trường Tiểu học Lương Nghĩa 1	7064/QĐ-UBND, 31/7/2017	6.500							56			56				56		
6	Nâng cấp sửa chữa tuyến kênh Giao Du, ấp 5 xã Xã Phien	538/QĐ-UBND, 22/3/2016	690							26			26				26		
7	NCSC Trường THCS Xã Phien	3278/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.236							144			144				144		
8	Tuyến đường sông dài ấp 8 xã Xã Phien	3279/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.600							247			247				247		
9	NCSC Trường TH Xã Phien 1	2684/QĐ-UBND 29/9/2017	1.478							78			78				78		
10	Tuyến kênh Ông Bùn đến kênh Thủy Lợi ấp 10, xã Lương Nghĩa	554/QĐ-UBND, 23/3/2016	876							33			33				33		
11	Tuyến kênh Bờ Tre xã Vĩnh Thuận Đông	2212/QĐ-UBND, 15/9/2016	2.995							272			272				272		
12	Trường Mẫu giáo Xã Phien 2, xã Xã Phien (4 phòng)	2685/QĐ-UBND 29/9/2017	1.639							119			119				119		
13	Trường TH Xã Phien 2, xã Xã Phien	2686/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.487							42			42				42		
(2)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2020		33.800							1.930			1.930				1.930		
1	Trường Tiểu học Xã Phien 1	2292/QĐ-UBND, 23/10/2019	5.000							216			216				216		
2	Trường Mẫu giáo Thuận Hòa	2326/QĐ-UBND, 25/10/2019	8.000							394			394				394		
3	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thành Dô	2329/QĐ-UBND, 25/10/2019	7.000							609			609				609		
4	Trường Tiểu học Vĩnh Viễn A2	2332/QĐ-UBND, 25/10/2019	4.000							157			157				157		
5	Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Lương Nghĩa 2	2453/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.800							554			554				554		
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		7.052	7.052						4.300			4.300				4.300		
1	Tuyến lộ đoạn từ Xã đất cũ đến Ba Bể, ấp 7 xã Thuận Hòa	2058/QĐ-UBND, 14/7/2021	1.140	1.140						500			500				500		
2	Tuyến lộ đoạn từ Xẻo Cạn đến Ba Quan, ấp 7 xã Thuận Hòa	2059/QĐ-UBND, 14/7/2021	672	672						500			500				500		
3	Tuyến lộ đoạn từ Ba Cầu đến kênh Long Mỹ 1, ấp 7 xã Thuận Hòa	2060/QĐ-UBND, 14/7/2021	1.192	1.192						600			600				600		
4	Tuyến lộ đoạn từ Xẻo Ràng đến Tư Lâm, ấp 8 xã Thuận Hòa	2061/QĐ-UBND, 14/7/2021	600	600						500			500				500		
5	Tuyến lộ đoạn từ Năm Kéo đến HTX cá Trại Lát, ấp 8 xã Thuận Hòa	2062/QĐ-UBND, 14/7/2021	600	600						500			500				500		
6	Tuyến lộ đoạn từ Hái Ngải đến Ba Lưới, ấp 9 xã Thuận Hòa	2063/QĐ-UBND, 14/7/2021	1.128	1.128						600			600				600		
7	Tuyến lộ đoạn từ Ba Bể đến Bảy Bể, ấp 10 xã Thuận Hòa	2064/QĐ-UBND, 14/7/2021	720	720						500			500				500		

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSDP	Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
					Tổng số	Cần đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Đội chỉ ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài	Tổng số	Cần đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Đội chỉ ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
8	Nhà văn hóa ấp 8, xã Vĩnh Viễn A	2065/QĐ-UBND, 14/7/2021	1.000	1.000							600		600			600			
V	UBND huyện Vĩnh Thủy		273.750	252.990	23.460	20.000	3.460	-		68.306	41.059	27.247	-		100	44.946			
(1)	Tất toán tài khoản		60.521	60.521	-	-	-	-		59	59	-	-		-	59			
1	Bổ là nội ô thị trấn Nàng Mắm, huyện Vĩnh Thủy, làng mục Khô bảo vệ văn hóa, cây xanh, đền trung thị	1190/QĐ-UBND, 27/10/2017	55.555	55.555						52	52					52			
2	Các cầu trên tuyến đường kênh Ngang, huyện Vĩnh Thủy, hạng mục Cầu kênh Trá Sắt, cầu kênh Trường học, cầu kênh Giải Phóng, cầu kênh 10 Nhóc, cầu kênh 5 Tre	1142/QĐ-UBND, 27/7/2018	4.966	4.966						7	7					7			
(2)	Dự án hoàn thiện và bán gạo đưa vào sử dụng trước 31/12/2020		15.147	15.147	-	-	-	-		287	-	287			-	287			
1	Trường Tiểu học Vĩnh Thành 1, ấp 1, xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Thủy	3543/QĐ-UBND, 29/10/2019	8.399	8.399						225		225				225			
2	Nâng cấp, sửa chữa đường Kênh Chùa (xã Vĩnh Trung - Vĩnh Đông)	1777/QĐ-UBND, 15/10/2019	1.699	1.699						36		36				36			
3	Trường Tiểu học Vĩnh Thành 2	1563/QĐ-UBND, 24/9/2019	2.000	2.000						12		12				12			
4	Trường Tiểu học Vĩnh Bình 2	1572/QĐ-UBND, 24/9/2019	2.000	2.000						13		13				13			
5	Trường Tiểu học Vĩnh Bình 2 (điểm B)	1573/QĐ-UBND, 24/9/2019	1.049	1.049						1		1				1			
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		198.082	177.322	23.460	20.000	3.460	-		67.960	41.000	26.960	-		100	44.600			
1	Trường Tiểu học Vĩnh Đông 4	4438/QĐ-UBND, 07/12/2020	9.000	9.000	400		400			6.900		6.900				6.900			
2	Trường THCS Vĩnh Đông	4439/QĐ-UBND, 07/12/2020	6.000	6.000	300		300			2.000		2.000				1.700			
3	Trường mẫu giáo Vĩnh Đông	4435/QĐ-UBND, 07/12/2020	2.760	2.760	2.760		2.760			2.660		2.660			100				
4	Kênh xả nước Nang Mắm (giai đoạn 2)	2431/QĐ-UBND, 08/02/2021	78.802	78.802	20.000	20.000				39.000	39.000					19.000			
5	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mắm, huyện Vĩnh Thủy	18/NQ-HĐND, 11/5/2021	60.000	60.000						2.000	2.000					2.000			
6	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Vĩnh Thuận Tây	2436/QĐ-UBND, 13/7/2021	13.200	6.600						4.000		4.000				4.000			
7	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 1, xã Vĩnh Thuận Tây	2433/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.750	1.375						1.000		1.000				1.000			
8	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4, xã Vĩnh Thuận Tây	2434/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.750	1.375						1.000		1.000				1.000			
9	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 5, xã Vĩnh Thuận Tây	2435/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.530	1.265						1.000		1.000				1.000			
10	Nhà văn hóa ấp 2, xã Vĩnh Thuận Tây	2430/QĐ-UBND, 13/7/2021	1.980	990						800		800				800			
11	Nhà văn hóa ấp 6, xã Vĩnh Thuận Tây	2431/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.640	1.320						1.000		1.000				1.000			
12	Nhà văn hóa ấp 7, xã Vĩnh Thuận Tây	2432/QĐ-UBND, 13/7/2021	1.870	935						800		800				800			
13	Đường 9.500 (nam xã no) xã Vĩnh Bình	2437/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.000	1.000						800		800				800			
14	Đường Cái Địa, xã Vĩnh Thắng	2438/QĐ-UBND, 13/7/2021	7.000	3.500						3.000		3.000				3.000			
15	Đường Kênh Tây, xã Vĩnh Thắng	2439/QĐ-UBND, 13/7/2021	4.800	2.400						2.000		2.000				2.000			
VI	UBND huyện Phụng Hiệp		217.865	215.619	10.000	-	10.000	-		42.049	2.977	39.072	-		-	32.049			
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021		119.919	119.472	-	-	-	-		13.256	977	12.279			-	13.256			
1	Đường Giao thông nông thôn Xẻo Môn dài từ trải, xã Long Thành	6808/QĐ-UBND, 30/10/2019	5.500	5.500						537		537				537			
2	Nhà công vụ UBND huyện Phụng Hiệp	4428/QĐ-UBND, 31/10/2018	4.500	4.500						440		440				440			

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2021 được giao										Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung										Giảm	Tăng	Chi chú
		Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Trong đó:								Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Trong đó:										
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSDP	Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:											
						Cần đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bộ chỉ ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài	Cần đối ngân sách		Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bộ chỉ ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài								
3	Trường Tiểu học đặc biệt nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	6686/QĐ-UBND, 28/10/2019	7.000	7.000								236		236					236					
4	Trường Mẫu giáo Tân Long	6768/QĐ-UBND, 29/10/2019	5.500	5.500								530		530					530					
5	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 2	6688/QĐ-UBND, 28/10/2019	6.000	6.000								597		597					597					
6	Trường Tiểu học Thanh Hòa 2	6811/QĐ-UBND, 30/10/2019	7.500	7.500								744		744					744					
7	Trường Tiểu học Tân Phước Hưng 3	6812/QĐ-UBND, 30/10/2019	6.000	6.000								600		600					600					
8	Trường Tiểu học Hiệp Hưng 3	6692/QĐ-UBND, 28/10/2019	8.500	8.500								865		865					865					
9	Trường mầm non hòa liên thao xã Long Thành	6683/QĐ-UBND, 28/10/2019	6.400	6.400								640		640					640					
10	Trường Trung học cơ sở Long Thành	6690/QĐ-UBND, 28/10/2019	2.520	2.520								224		224					224					
11	Trường Mẫu giáo Phương Phú	6809/QĐ-UBND, 30/10/2019	5.000	5.000								476		476					476					
12	Trường Mẫu giáo Tân Phước Hưng	6691/QĐ-UBND, 28/10/2019	5.000	5.000								500		500					500					
13	Trường Tiểu học Kim Đồng	6689/QĐ-UBND, 28/10/2019	4.000	4.000								400		400					400					
14	Trường Tiểu học Mậu Xuân	6772/QĐ-UBND, 29/10/2019	3.000	3.000								297		297					297					
15	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 3	6770/QĐ-UBND, 29/10/2019	4.000	4.000								400		400					400					
16	Trường Tiểu học Phương Phú 3	6766/QĐ-UBND, 29/10/2019	4.000	4.000								399		399					399					
17	Trường Tiểu học Hòa An 2	6687/QĐ-UBND, 28/10/2019	4.000	4.000								400		400					400					
18	Trường Trung học cơ sở Hưng Diên	6771/QĐ-UBND, 29/10/2019	4.500	4.500								449		449					449					
19	Trường Trung học cơ sở Hòa Mỹ	6823/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.500	9.500								950		950					950					
20	Trường Tiểu học Thanh Hòa 3	6813/QĐ-UBND, 30/10/2019	9.000	9.000								900		900					900					
21	Sân tập môtô bằng, tường rào, cây xanh trưng lãm văn hóa xã Bình Thành	6825/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.539	1.539								182		182					182					
22	Trường Tiểu học Hòa An 4 (điểm Xáng B)	6810/QĐ-UBND, 30/10/2019	4.500	4.500								457		457					457					
23	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Tân Bình 4	4092/QĐ-UBND, 29/9/2017	2.460	2.013								2.013		2.013					2.013	Hoàn trả NSTW/ theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX				
(9)	Dự án khởi công mới năm 2021		97.946	96.147	10.000	-	10.000	-			28.793	2.000	26.793	*				18.793						
1	Tiểu học Phương Phú 2, điểm Bình Hoà, xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, Hạng mục: 03 phòng học, thiết bị	205/QĐ-SKHDĐT 09/7/2020	1.478	718							687		687					687	Đổi ứng					
2	Mẫu giáo Sơn Ca, điểm Hòa Bình, thị trấn Kinh Cung, huyện Phụng Hiệp, Hạng mục: 02 phòng học, thiết bị	202/QĐ-SKHDĐT 09/7/2020	1.234	597							575		575					575	Đổi ứng					
3	Trường tiểu học Kim Đồng, điểm Hoà Long B, thị trấn Kinh Cung, huyện Phụng Hiệp, Hạng mục: 01 phòng học, sân chơi, khu vệ sinh, thiết bị	369/QĐ-SKHDĐT 08/12/2020	934	532							531		531					531	Đổi ứng					
4	Trạm y tế xã Thanh Hoà	7594/QĐ-UBND 7/12/2020	7.000	7.000	3.000						6.000		6.000					3.000						
2	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Pung Hiệp	7599/QĐ-UBND 7/12/2020	7.500	7.500	2.500						5.000		5.000					2.500						
5	Trung tâm Bảo dưỡng chính trị huyện Phụng Hiệp	7593/QĐ-UBND 7/12/2020	9.500	9.500	4.500						8.000		8.000					3.500						

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSDP	Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
					Tổng số	Cần đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài	Tổng số	Cần đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
6	Khu tái định cư tại thị trấn Cây Dương	18/NQ-HBND, 14/7/2021	58.600	58.600							2.000	2.000					2.000		
7	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Tân Long	4716/QĐ-UBND, 12/7/2021	8.500	8.500							4.000	4.000	4.000				4.000		
8	Nhà Văn hóa ấp Thanh Lợi C, xã Tân Long	4714/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.600	1.600							1.000	1.000	1.000				1.000		
9	Nhà Văn hóa ấp Thạnh Lợi A2, xã Tân Long	4715/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.600	1.600							1.000	1.000	1.000				1.000		
VII	UBND huyện Châu Thành		410.940	410.940	75.775	57.000	17.000	1.775			71.248	37.909	31.564	1.775		32.000	27.473		
(1)	Tất toán tài khoản		11.400	11.400	-	-	-	-	-	-	400	-	400	-	-	-	400		
1	Đường giao thông nông thôn từ cầu Chữ Y đến xã Phú Tân	4857/QĐ-UBND, 31/10/2018	11.400	11.400							400	400	400				400		
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021		70.890	70.890	-	-	-	-	-	-	4.573	909	3.664			-	4.573		
1	Cum Dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu (giai đoạn 2)	6620/QĐ-UBND, 30/10/2019	6.000	6.000							80	80					80		
2	Cum Dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm	6621/QĐ-UBND, 30/10/2019	9.000	9.000							243	243					243		
3	Cum Dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu (giai đoạn 1)	6623/QĐ-UBND, 30/10/2019	8.000	8.000							586	586					586		
4	Nâng cấp sân chùa Trường Tiểu học Phú Hữu 1	6639/QĐ-UBND, 31/10/2019	8.900	8.900							890		890				890		
5	Nâng cấp tuyến đường Đồng Sơn - Bung Cây Sắn	6624/QĐ-UBND, 30/10/2019	14.990	14.990							1.490		1.490				1.490		
6	Đường Giao thông nông thôn Tuyến Rạch Cái Đai, ấp Phước Hòa A, xã Đông Phước A	6690/QĐ-UBND, 31/10/2019	7.000	7.000							490		490				490		
7	Trường Tiểu học Ngã Sáu Hân 2	6692/QĐ-UBND, 26/9/2019	9.000	9.000							233		233				233		
8	Trường Trung học cơ sở Phú Hữu	6610/QĐ-UBND, 29/10/2019	3.000	3.000							211		211				211		
9	Trường Mẫu giáo Đông Phước	6691/QĐ-UBND, 31/10/2019	5.000	5.000							350		350				350		
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		328.650	328.650	75.775	57.000	17.000	1.775			66.275	37.000	27.500	1.775		32.000	22.500		
1	Xây dựng Chính quyền điện tử hiện đại, thân thiện, huyện Châu Thành	6190/QĐ-UBND, 09/12/2020	5.000	5.000	1.500	1.500					4.500	4.500					3.000		
2	Tuyến đường kết nối với Tp Cần Thơ (từ đường 614 Cái Chanh - Đông Phú nội đường ô tô phường Tân Phú, quận Cái Rang)	6193/QĐ-UBND, 09/12/2020	3.000	3.000	1.000	1.000					-	-				1.000			
3	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường giao thông Tam Bông	6194/QĐ-UBND, 09/12/2020	6.700	6.700	2.000	2.000					6.000	6.000					4.000		
4	Trường THCS Nguyễn Văn Quy (Xây dựng mới các phòng, nâng cấp sân chùa và trang thiết bị)	6201/QĐ-UBND, 09/12/2020	3.000	3.000			2.000				2.800		2.800				800		
5	Trường Tiểu học Phú Hữu 2 (Xây dựng mới các phòng, nâng cấp sân chùa và trang thiết bị)	6198/QĐ-UBND, 09/12/2020	2.500	2.500	1.500	1.500					2.300		2.300				800		
6	Trường Tiểu học Phú Hữu 3 (Xây dựng mới các phòng, nâng cấp sân chùa và trang thiết bị)	6197/QĐ-UBND, 09/12/2020	2.500	2.500	1.500	1.500					2.300		2.300				800		
7	Trường Tiểu học Ngã Sáu Hân 1 (Xây dựng mới 4 phòng, nâng cấp sân chùa các và trang thiết bị)	QĐ 2148, 01/12/2020	3.000	3.000	2.000	2.000					2.600		2.600				600		
8	Trường Mẫu giáo Phú Tân (Quy hoạch mở rộng xây dựng các phòng, nâng cấp sân chùa và trang thiết bị ở các khu A,B,C để công nhận đạt chuẩn)	6205/QĐ-UBND, 09/12/2020	15.000	15.000	10.000	10.000					7.000		7.000			3.000			
9	Cầu Kênh Thạnh Đồng đầu nối với thành phố Cần Thơ	6192/QĐ-UBND, 09/12/2020	10.000	10.000	3.000	3.000					-					3.000			
10	Đường nối từ trấn Ngã Sáu đến đường Nam Sông Hậu	754/QĐ-UBND, 23/4/2021	180.000	180.000	45.000	45.000					20.000	20.000				25.000			
11	Khu tái định cư thị trấn Ngã Sáu - giai đoạn 2	17/NQ-HBND, 14/7/2021	60.000	60.000							1.000	1.000					1.000		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2021 được giao										Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh bổ sung										Giảm	Tăng	Ghi chú
		Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Trong đó:						Trong đó:														
		Số quyết định/ ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSDP	Tổng số	Cần đầu ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bộ chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài	Tổng số	Cần đầu ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bộ chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài								
12	Khu hành chính xã Đồng Phú, huyện Châu Thành	2086/QĐ-UBND, 27/11/2020	14.000	14.000	6.275	4.500		1.775			7.225	5.500		500					1.000					
13	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Đồng Thành	2344/QĐ-UBND, 07/07/2021	600	600							500			500					500					
14	Nhà văn hóa ấp Đồng Lợi	2347/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.300	1.300							500			500					500					
15	Hệ thống thoát nước Nhà văn hóa ấp Đồng Lợi A	2346/QĐ-UBND, 07/07/2021	200	200							100			100					100					
16	Nhà văn hóa ấp Đồng Lợi B	2345/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.000	1.000							400			400					400					
17	Nhà văn hóa ấp Đồng Phú	2352/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.300	1.300							500			500					500					
18	Nhà văn hóa ấp Đồng Phú A	2343/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.300	1.300							500			500					500					
19	Sửa chữa trụ sở UBND xã Đồng Phước	2342/QĐ-UBND, 07/07/2021	2.000	2.000							1.000			1.000					1.000					
20	Nâng cấp, sửa chữa tuyến lộ GTNT ấp Đồng Phú, xã Đồng Phước	2348/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.400	1.400							1.050			1.050					1.050					
21	Nâng cấp, sửa chữa tuyến lộ GTNT ấp Đồng Phú A, xã Đồng Phước	2353/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.350	1.350							1.050			1.050					1.050					
23	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Trì B	2455/QĐ-UBND, 08/07/2021	1.500	1.500							500			500					500					
22	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Trì B1	2454/QĐ-UBND, 08/07/2021	1.500	1.500							500			500					500					
24	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Nghĩa	2452/QĐ-UBND, 08/07/2021	1.500	1.500							500			500					500					
25	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Lệ	2457/QĐ-UBND, 08/07/2021	1.500	1.500							500			500					500					
26	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Thành	2456/QĐ-UBND, 08/07/2021	1.500	1.500							500			500					500					
27	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Lợi A	2453/QĐ-UBND, 08/07/2021	1.300	1.300							500			500					500					
28	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm Giã Phú Hòa (điểm lẻ Phú Trì A)	2349/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.700	1.700							700			700					700					
29	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Phú Hòa	2341/QĐ-UBND, 07/07/2021	3.000	3.000							1.200			1.200					1.200					
VIII	UBND huyện Châu Thành A		156.516	156.516	600	600	-	-	-		17.930	9.218	8.712	-			-	17.930						
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021		78.716	78.716	-	-	-	-	-		6.134	3.722	2.412				-	6.134						
1	Cum Dân cư vượt lù Trường Long Tây	3557/QĐ-UBND, 31/10/2019	3.000	3.000							300	300							300					
2	Nâng cấp trục đường Trung tâm thị trấn Môt Ngàn (đoạn từ UBND huyện đến Công an huyện)	3562/QĐ-UBND, 31/10/2019	11.000	11.000							1.100	1.100							1.100					
3	Hội trường xã Tân Hòa	3119/QĐ-UBND, 07/10/2019	1.400	1.400							80	80							80					
4	Đường giao thông nông thôn, hạng mục: Tuyến Sò Dừa Bể (đốt đất)	3232/QĐ-UBND, 16/10/2019	3.566	3.566							200	200							200					
5	Cum Dân cư vượt lù Nilon Nghĩa A	3561/QĐ-UBND, 31/10/2019	7.500	7.500							525	525							525					
6	Cum Dân cư vượt lù Tân Thuận	3559/QĐ-UBND, 31/10/2019	3.500	3.500							350	350							350					
7	Cum Dân cư vượt lù Bảy Nón	3560/QĐ-UBND, 31/10/2019	7.900	7.900							553	553							553					
8	Cum Dân cư vượt lù Trường Long A	3558/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.300	4.300							430	430							430					
9	Cầu Kênh Ba Thước	3556/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000							100	100							100					
10	Nâng cấp, sửa chữa đường dẫn vào cầu Cầu chữ Y xã Trường Long Tây	3489/QĐ-UBND, 24/10/2019	1.200	1.200							84	84							84					
11	Trường Mẫu giáo Trường Long A	3495/QĐ-UBND, 29/10/2019	6.000	6.000							480			480					480					

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSDP	Tổng số	Cần đối ngân sách	Xã số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài	Tổng số	Cần đối ngân sách	Xã số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
12	Trường Mẫu giáo Tuổi Hoa	3121/QĐ-UBND, 07/10/2019	1.400	1.400							140						140		
13	Trường Mầm non Hướng Dương	3566/QĐ-UBND, 31/10/2019	6.000	6.000							420						420		
14	Trường Tiểu học Tân Phú Thạnh 3	3567/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.200	9.200							644						644		
15	Trường Tiểu học Trường Long Tây 1	3565/QĐ-UBND, 31/10/2019	5.450	5.450							381						381		
16	Trường Tiểu học Thị trấn Mỹ Ngân A	3120/QĐ-UBND, 07/10/2019	1.000	1.000							1						1		
17	Trường Trung học cơ sở Võ Thị Sáu	3497/QĐ-UBND, 29/10/2019	3.000	3.000							210						210		
18	Trường Trung học cơ sở thị trấn Cội Tắc	3206/QĐ-UBND, 10/10/2019	1.300	1.300							36						36		
19	Trường Tiểu học Trường Long Tây 3	3564/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000							100						100		
(5)	Dự án thoát công mội năm 2021		77.800	77.800	600	600	-	-			11.796	5.496	6.300	-			11.196		
1	Tuyến giao thông nông thôn kênh Dãy	4618/QĐ-UBND, 07/12/2020	6.000	6.000	600	600					3.496	3.496					2.896		
2	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh	16/NQ-HĐND, 14/7/2021	60.000	60.000							2.000	2.000					2.000		
3	Tuyến Kênh 4000 ấp Trường Phước	2940/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.000	1.000							600		600				600		
4	Tuyến Kênh 4000 ấp Trường Thọ	2941/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.200	1.200							600		600				600		
5	Nâng cấp, sửa chữa 06 nhà văn hóa ấp, xã Trường Long Tây	2927/QĐ-UBND, 12/7/2021	600	600							500		500				500		
6	Nâng cấp đường GTNT Tuyến Kênh Hai Thép	2942/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.200	1.200							600		600				600		
7	Nâng cấp sửa chữa cầu kênh Bảy Ngàn (KH9)	2943/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.000	1.000							600		600				600		
8	Nâng cấp sửa chữa cầu Kênh Dãy	2944/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.000	1.000							600		600				600		
9	Đường GTNT ấp Láng Hầm C	2945/QĐ-UBND, 12/7/2021	2.200	2.200							1.000		1.000				1.000		
10	Tuyến đường GTNT đến Trường Tiểu học Ngõ Quên	2946/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.200	1.200							600		600				600		
11	Đường GTNT đoạn từ kênh 3500 đến 4000	2938/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.200	1.200							600		600				600		
12	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường GTNT kênh 6 Thuộc	2936/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.200	1.200							600		600				600		

4



Phụ lục II

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 TỪ NGUỒN THU VƯỢT TIỀN SỬ DUNG ĐẤT NĂM 2020
 Nghị quyết số: 11/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Hậu Giang

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2021			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP			Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020		
	TỔNG SỐ		908	908	908	908	908	908	
	UBND thành phố Vị Thanh		908	908	908	908	908	908	
*	Dự án khởi công mới năm 2021		908	908	908	908	908	908	
1	Nâng cấp, sửa chữa Nhà Thiếu nhi thành phố	2273/QĐ-UBND, 12/7/2020	908	908	908	908	908	908	